

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT
Ngày 30 - 11 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tuyên, bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLPT - DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS - ST ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ - PT ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Văn N và bà Trần Thị Á. Địa chỉ: Tiểu khu , xã TL, huyện MC, tỉnh Sơn La “có mặt”.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn C và bà Hà Thị C. Địa chỉ: Bản NT, xã TL, huyện MC, tỉnh Sơn La “có mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Xuân Th và chị Lò Thị Th. Địa chỉ: Bản NT, xã TL, huyện MC, tỉnh Sơn La “ có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Hà Văn N và bà Trần Thị Á trình bày:

Vào ngày 06/02/2021, vợ chồng ông C, bà Cg cùng các con là Hà Xuân T con trai của ông C, bà C và chị Lò Thị T (chị T là vợ của anh Th là con dâu của ông C, bà C) có đến nhà ông N bà Á hỏi vay số tiền 337.000.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu đồng). Trước khi cho vay vợ chồng ông có nói nếu vay số tiền nhiều như vậy thì phải có đủ các thành viên trong gia đình thì mới cho vay, chính vì vậy mà gia đình ông C gồm có ông Ch, bà C vợ ông C, các con là anh T và chị T đều ký vào giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền giữa hai bên được xác lập ông N và bà Á có cho ông bà C, C vay số tiền là 337.000.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu đồng) vay không có lãi xuất hẹn đến ngày 02/5/2021, ông C và bà C phải trả cho gia đình ông N bà Á số tiền đã vay là 337.000.000 đồng (ba trăm ba mươi bảy triệu đồng). Khi cho vay ông N, bà Á cũng không hỏi mục đích vay để làm gì vì là chỗ quen biết, thời gian vay ngắn nên vợ chồng ông N, bà Á đã cho vợ chồng ông C, bà C vay số tiền là 337.000.000 đồng (ba trăm, ba mươi bảy triệu đồng), người nhận tiền là bà C, hai bên có làm giấy vay tiền, không tính lãi suất, có chữ ký của hai bên. Do gia đình ông N, bà Á có việc cần phải dùng đến tiền và cũng đã đến thời điểm thanh toán trả nợ, vợ chồng ông N, bà Á đã nhắc đòi nhiều lần nhưng gia đình ông C, bà C cứ khất lần không trả. Do vậy ông N, bà Á viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông C, bà C trả lại cho vợ chồng ông N, bà Á số tiền đã vay. Do trong thời điểm cho vay, hai bên thỏa thuận không tính lãi suất, do đó gia đình ông N, bà Á cũng không yêu cầu ông C, bà C phải trả cho gia đình ông khoản tiền lãi tính từ ngày 06/02/2021 đến ngày 02/5/2021, còn từ sau này nếu ông C, bà C chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hà Văn C và bà Hà Thị C trình bày:

Tại lời khai ngày 02/7/2021: Gia đình ông C bà C có quen biết gia đình ông N, bà Á, do gia đình gặp khó khăn nên có vay tiền của gia đình ông N, bà Á.

Lần 1 vay 30.000.000 đồng, vay vào ngày 11/9/2018.

Lần 2 vay 22.600.000 đồng với lãi suất là 10.000.000 đồng lãi 30.000 đồng/ngày gia đình đã thanh toán xong số tiền vay ngày 24/10/2018.

Lần 3 vay là 150.000.000 đồng, lãi suất là 300.000 đồng/100.000.000 đồng/ngày 150.000.000 đồng x 300.000 đồng = 450.000 đồng/ngày, gia đình chưa kịp trả thì đến ngày 23/5/2019, chốt sổ nợ vay với nhau là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với lãi suất là 600.000 đồng/ngày. Gia đình đã trả dần, đợt 1 trả vào ngày 27/7/2019 trả 25.000.000 đồng, đợt 2 trả vào ngày 27/9/2019 trả 25.000.000 đồng. Đợt 3 trả vào ngày 09/11/2019 trả 25.000.000 đồng, đợt 4 trả vào ngày 14/12/2019 trả 25.000.000 đồng. Còn lại 02 lần là con dâu bà thanh toán cho ông N, bà Á là 50.000.000 đồng. Đến ngày 24/12/2019 ông N, bà Á chốt sổ

nợ với gia đình ông C, bà C là 78 ngày lãi là 53.020.000 đồng + 22.660.000 đồng = 279.620.000đ, cộng cả gốc và lãi đến ngày 06/02/2021 là 337.000.000 đồng.

Lời khai của bà Hà Thị C ngày 17/8/2021: Ngày 11/9/2021 bà có vay của bà Trần Thị Á số tiền là 30.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận tính lãi là 90.000 đồng (chín mươi nghìn) đồng/ngày, khoản nợ này đã thanh toán xong cả gốc và lãi. Đến ngày 24/10/2018 bà C tiếp tục vay của bà Á số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu) đồng, thỏa thuận tính lãi là 50.000.000 đồng và không thống nhất ngày nào tất toán đầy đủ số tiền cả gốc và lãi là 200.000.000 đồng, Sau đó bà đã trả cho bà Á vào các lần: Lần 1 trả vào ngày 27/7/2019 trả 25.000.000 đồng. Lần 2 trả vào ngày 27/9/2019 trả 25.000.000 đồng. Lần 3 trả vào ngày 09/11/2019 trả 25.000.000 đồng. Lần 4 trả vào ngày 14/12/2019 trả 25.000.000 đồng. Lần 5 và 6 đưa cho bà T là con dâu trả cho bà Á số tiền là 75.000.000 đồng. Như vậy đã trả được 175.000.000 đồng, thực tế khi vay 150.000.000 đồng bà Á đã trừ 9.000.000 đồng là khoản tiền lãi trong 20 ngày. Như vậy bà chỉ còn nợ bà Á là 16.000.000 đồng, việc vay tiền với bà Á ông N chỉ mình bà vay, chồng bà và các con bà là anh T, chị T đều không biết. Nếu bà Á, ông N tính lãi với số tiền như đang đòi ông bà, bà không có khả năng trả nợ, đề nghị Tòa án xem xét.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS - ST ngày 23/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định áp dụng Điều 357; 463; 465; 466; 468 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn N và bà Trần Thị Á về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Hà Văn C, bà Hà Thị C có trách nhiệm trả cho gia đình ông Hà Văn N và bà Trần Thị Á số tiền nợ gốc là 337.000.000 đồng (Ba trăm, ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Bà Hà Thị C và ông Hà Văn C được quyền khởi kiện yêu cầu anh Hà Xuân T và chị Lò Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà Hà Thị C và ông Hà Văn C bằng một vụ án khác nếu ông C, bà C có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2021, bà Hà Thị C có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại giấy vay nợ và số tiền lãi mà gia đình bà đã trả cho gia đình ông N, bà Á.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, bị đơn cho rằng chỉ vay của bà Á, ông N với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu) đồng, thỏa thuận tính lãi là 50.000.000 đồng và không thống nhất ngày nào tất toán đầy đủ số tiền cả gốc và lãi là 200.000.000 đồng. Sau đó đã trả cho bà Á 175.000.000 đồng, khi vay 150.000.000 đồng bà Á đã trừ 9.000.000 đồng là khoản tiền lãi trong 20 ngày. Như vậy bà chỉ còn nợ bà Á ông N là 16.000.000 đồng. Bà không nhất trí trả số tiền 337.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của ông N, bà Á.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về Tố tụng:

Nguyên đơn ông Hà Văn N bà Trần Thị Á khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị C và ông Hà Văn C trả lại số tiền đã vay được xác lập trong giấy vay tiền ngày 6/02/2021 giữa hai bên đã ký kết. Bị đơn bà Hà Thị C, ông Hà Văn C không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thụ lý, giải quyết vụ án và xác định mối quan hệ pháp luật là đúng quy định, đúng thẩm quyền được quy của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đơn kháng cáo ngày 27/8/2021 của bị đơn bà Hà Thị C thực hiện đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ngày 06/02/2021 vợ chồng ông Hà Văn C và bà Hà Thị C cùng các con là Hà Xuân T và Lò Thị T(con trai và con dâu của ông C, bà C) đã cùng ông Trần Văn N bà Trần Thị Á xác lập ký vào Giấy vay tiền. Ông C bà C vay của ông N, bà Á với số tiền 337.000.000 đồng, hẹn ngày 02/5/2021 sẽ hoàn trả, không tính lãi xuất. Đến hạn, ông C, bà C không trả nên vợ chồng ông N, bà Á khởi kiện yêu cầu gia đình ông C, bà C trả lại số tiền vay 337.000.000 đồng và không tính lãi xuất.

Xét kháng cáo của bà Hà Thị C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Giấy vay tiền đề ngày 06/02/2021, giữa ông N và bà Á với ông C, bà C, anh T, chị T được xác lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên tham gia giao dịch. Nội dung giấy vay tiền thể hiện rõ số tiền vay là 337.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 06/02/2021 đến ngày 02/5/2021. Tại thời điểm ký kết giấy vay tiền các bên đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình khi ký kết vào giấy vay tiền do đó đây là giao dịch dân sự hợp pháp được pháp luật công nhận. Đến hạn trả tiền vay, gia đình ông C bà C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay nên vợ chồng ông N bà Á khởi kiện yêu cầu gia đình ông C, bà C phải trả số tiền đã vay là có căn cứ đúng quy định.

Việc ông C, bà C cho rằng số tiền vay 337.000.000 đồng xuất phát từ khoản tiền vay trả lãi theo ngày từ các năm trước, được ông N, bà Á chốt lại bằng giấy vay tiền mới (Giấy vay tiền đề ngày 06/02/2021) và ép vợ chồng ông C, bà C cùng các con ký vào giấy vay. Tuy nhiên ông C bà C không đưa ra được các căn cứ chứng minh việc bị ép buộc ký vào giấy vay tiền. Đối với 02 giấy vay tiền ngày 11/9/2018 và ngày 24/10/2018 mà ông C bà C cung cấp đều đã được gạch xóa, trên giấy vay không thể hiện số tiền lãi phải trả. Ông C, bà C cũng thừa nhận hai khoản vay này của ông N bà Á, gia đình ông bà đã thanh toán xong và cũng được ông N bà Á xác nhận.

Đối với khoản vay tiền 150.000.000 đồng ông C, bà C cho rằng là khoản vay gốc của giấy vay tiền 337.000.000 đồng, khi vay hai bên đã thống nhất sẽ trả cả gốc và lãi là 200.000.000 đồng. Theo sổ tay ghi chép của bà Hà Thị C thì gia đình ông, bà đã trả cho gia đình ông N, bà Á được tổng số tiền 150.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 27/9/2019 trả 25.000.000 đồng, ngày 09/11/2019 trả 25.000.000 đồng, ngày 14/12/2019 trả 25.000.000 đồng, ngày 27/7/2019 trả 25.000.000 đồng. Tháng 5/2019 trả 20.000.000 đồng, tháng 6/2019 trả 30.000.000 đồng. Tuy nhiên ông N, bà Á không thừa nhận số tiền này là tiền lãi xuất phát từ các khoản vay trước đó. Ông C bà C không cung cấp được giấy vay khoản tiền 150.000.000 đồng, không chứng minh được số tiền đã trả là của khoản vay nào với lãi xuất cao, do đó không có căn cứ chứng minh việc ông N, bà Á cho vay lãi theo ngày như lời khai của ông C, bà C. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C, bà C phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vay là 337.000.000 đồng cho ông N, bà Á là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận bà Hà Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS-ST ngày 23/8/2021, của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ Điều 357; 463; 465; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn N, bà Trần Thị Á về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Hà Văn C, bà Hà Thị C có trách nhiệm trả cho gia đình ông Hà Văn N và bà Trần Thị Á số tiền nợ gốc là 337.000.000d (Ba trăm, ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bà Hà Thị C và ông Hà Văn C được quyền khởi kiện yêu cầu anh Hà Xuân T và chị Lò Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà Hà Thị C và ông Hà Văn C bằng một vụ án khác nếu ông C, bà C có yêu cầu.

2. Về án phí: Ông Hà Văn C, bà Hà Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.850.000đ (mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Hà Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003462 ngày 30/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Hoàn trả ông Hà Văn N số tiền 8.425.000 đồng (tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002322 ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án ngày (30/11/2021).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mộc Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Tuấn Long